

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN QUAN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2020/QĐST-VDS.

Văn Quan, ngày 10 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v: Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản chung để thi hành án.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nông Bá Hiệp.

Thư ký phiên họp: Bà Lương Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 09/2020/TLST-VDS ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc “*Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản trong khối tài sản chung để thi hành án*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2020/QĐST-VDS ngày 24 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên họp số 01/2020/QĐST ngày 03/7/2020 và Quyết định tạm ngừng phiên họp giải quyết việc dân sự số 01/2020/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2020.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Công ty Cổ phần vật tư nông n Lạng Sơn. Địa chỉ: Cụm Công nghiệp đ số 2, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh V - Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đăng T, sinh năm 1970 – Phó Giám đốc (Theo giấy ủy quyền số 76/GUQ/CT-TCHC ngày 24/6/2020).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Hoàng Trung T, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Phố Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Bà Hà Thị V, sinh năm 1947. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phố Đ, xã Đ, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Bà Hứa Thị H, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Phố Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

4. Chị Hoàng Lê N, sinh năm 2001. Nơi cư trú: Phố Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

5. Anh Hoàng Hữu C, sinh năm 1979. Địa chỉ: Phố Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

6. Chị Hoàng Thị G, sinh năm 1982. Địa chỉ: Phố Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

7. Hoàng Đức H, sinh năm 2004. Địa chỉ: Phố Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

8. Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

9. Bà Hoàng Thị N. Vắng mặt do không xác minh được nơi cư trú.

10. Bà Hoàng Thị Đ. Vắng mặt do không xác minh được nơi cư trú.

11. Bà Lộc Thị P, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

12. Anh Hoàng Thế Q, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

13. Chị Hoàng Ngọc H₁, sinh năm 2003. Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

14. Anh Hoàng Văn T₁. Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

15. Anh Hoàng Mạnh Đ, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

16. Chị Hoàng Thị N₁, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Anh Hoàng Trung T, sinh năm 1975, trú tại phố Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn đang phải thi hành khoản tiền bồi thường thiệt hại với số tiền 1.466.665.000 đồng cho Công ty cổ phần vật tư nông n Lạng Sơn theo Bản án số: 71/2017/HSST ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Ngày 17/10/2019 Cục thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 25/QĐ-CTHADS.

Ngày 06/01/2020, Cục thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn ra Thông báo về việc xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản thi hành án cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến tài sản thi hành án biết họ có quyền tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc khởi kiện tại Tòa án để giải quyết đối với tài sản của người phải thi hành án. Hết thời hạn thông báo 30 ngày, nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tự thỏa thuận được và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 28/02/2020, đơn sửa đổi bổ sung ngày 15/4/2020, Công ty cổ phần vật tư nông n Lạng Sơn yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản trong khối tài sản chung của anh Hoàng Trung T và vợ là Hứa Thị H để thi hành án gồm các tài sản sau:

- Thừa đất số 71 được cấp cho hộ ông Hoàng Trung T và bà Hứa Thị H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 946654, số vào sổ CH 01686 cấp ngày 07/12/2011.

- Một phần thừa đất số 46 cấp cho hộ bà Hà Thị V và ông Hoàng Minh H (là bố, mẹ đẻ của anh Hoàng Trung T) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 557108, số vào sổ CH 00551, cấp ngày 19/12/2008.

- Nhà ở, công trình xây dựng trên thừa đất số 71 và một phần thừa đất số 46 thuộc phố Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Quá trình xây dựng hồ sơ, căn cứ kết quả xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ và căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định được như sau:

Đối với thừa đất số 71, anh Hoàng Trung T và chị Hứa Thị H đã được bà Hà Thị V tặng cho theo hợp đồng tặng cho số 04/HĐTA ngày 17/10/2011 và đã tách sổ đứng tên hộ ông Hoàng Trung T bà Hứa Thị H, diện tích 117,3m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD946654 ngày 07/12/2011.

Thừa đất số 46 năm 2000 đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Hà Thị V có nguồn gốc do bà Hà Thị V và ông Hoàng Minh H tạo lập nên. Đến năm 2008 cấp lại sổ sau đo đạc địa chính đứng tên hộ bà Hà Thị V, ông Hoàng Minh H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri AP 557108, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00551, cấp ngày 19/12/2008.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/6/2020 xác định được trên toàn bộ thừa đất số 71, có diện tích đo thực tế là 101,3m² và một phần thừa đất số 46 có diện tích 43,3m² vào năm 2014, anh Hoàng Trung T và vợ là Hứa Thị H có xây dựng một căn nhà 02 tầng (nhà ở loại 1 gồm 02 tầng và 01 tum) có tổng diện tích là 246,5m² (tầng 1 có diện tích 104m²; tầng 2 có diện tích 104m², tum có diện tích 38,5m²).

Toàn bộ diện tích đất thuộc thừa đất số 71 và một phần thừa đất số 46 mà hiện nay anh Hoàng Trung T và chị Hứa Thị H xây nhà ở có các phía tiếp giáp như sau:

- Cạnh A, B giáp đường quốc lộ dài 7,38m.
- Cạnh B, C, D, E giáp đất nhà ông Lăng Văn C dài 15,m.
- Cạnh E, F giáp đất bà Hà Thị V dài 6,42m.
- Cạnh F, G giáp đất bà Hà Thị V dài 6,3m.
- Cạnh G, H giáp đất bà Hà Thị V dài 6,5m.
- Cạnh H, L, A giáp đất anh Hoàng Hữu C dài 16,79m.

Theo lời khai của anh Hoàng Trung T thì do thừa đất số 71 có diện tích hẹp nên khi xây nhà anh đã được bố mẹ và em trai, em dâu, cháu H đồng ý cho xây nhà sang một phần thừa đất số 46 nhưng chỉ thỏa thuận như vậy, không lập văn bản gì (thời điểm xây nhà 2014 thì bố là ông Hoàng Văn H đã chết từ năm 2009).

Bà Hà Thị V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác (các con đẻ, con dâu) đều cho rằng diện tích đất thuộc thửa đất số 46 là tài sản do bà Hà Thị V và ông Hoàng Minh H tạo lập nên, chưa chia cho anh Hoàng Trung T mà gia đình thỏa thuận chỉ cho vợ chồng anh T xây nhà để ở chứ anh T không được tặng cho, không được chuyển nhượng cho người khác vì phần anh T được chia đã làm thủ tục tách sổ là thửa số 71. Nay ông Hoàng Minh H đã chết nên diện tích đất thuộc thửa đất số 46 để cho bà Hà Thị V dưỡng lão.

Đối với tài sản trên đất là căn nhà 02 tầng xây dựng năm 2014, chị Hứa Thị H cho rằng anh Hoàng Trung T không có công sức đóng góp gì mà đều do chị vay mượn, tích góp để xây dựng. Căn nhà này cũng không phải xây dựng từ số tiền anh Hoàng Trung T phạm tội mà có, vì vậy chị H cho rằng anh T không có quyền gì đối với căn nhà này. Để chứng minh, chị H đưa ra căn cứ là các khoản vay tại Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện V và các khoản vay với họ hàng hiện nay vẫn chưa trả hết nợ.

Tại phiên họp, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết việc dân sự như sau:

- *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị mở phiên họp:* Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền thụ lý, đúng quan hệ tranh chấp giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 9 Điều 27 BLTTDS. Từ khi thụ lý đến trước thời điểm mở phiên họp đã xác định đầy đủ những người tham gia tố tụng; thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ; cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đầy đủ và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 366 BLTTDS. Như vậy, Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 48 BLTTDS.

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng giải quyết việc dân sự, Thư ký tại phiên họp:* Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thủ tục mở phiên họp giải quyết việc dân sự.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng mở phiên họp:* Từ khi thụ lý việc dân sự đến trước thời điểm mở phiên họp giải quyết việc dân sự, người yêu cầu giải quyết việc dân sự là Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp Lạng Sơn, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Thanh V; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Hữu C, bà Hoàng Thị G, bà Hà Thị V, bà Hứa Thị H đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại 73, 362, 367 BLTTDS, riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lộc Thị P, Hoàng Thế Q, Hoàng Ngọc H₁, Hoàng Văn T₁, Hoàng Mạnh Đ, quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập nhưng không có mặt, không thực hiện đúng nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- *Ý kiến về việc giải quyết việc dân sự:* Đề nghị áp dụng Điều 369, Điều 370 và các Điều: 611, 623, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần vật tư nông n Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Văn Quan nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Tại Bản án số 71/2017/HSST ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã tuyên anh Hoàng Trung T có trách nhiệm bồi thường cho Công Ty cổ phần vật tư N Lạng Sơn số tiền 1.466.665.000 đồng nhưng đến nay anh Hoàng Trung T vẫn chưa thi hành. Chấp hành viên đã thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Tuy nhiên, hết thời hạn 30 ngày, từ ngày nhận được thông báo nhưng các bên không có thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Chấp hành viên đã thông báo cho người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự. Do vậy Công ty cổ phần vật tư nông n đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự để xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của anh Hoàng Trung T trong khối tài sản chung của gia đình tọa tại phố Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án nhân dân huyện Văn Quan thụ lý giải quyết theo thủ tục việc dân sự là đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lộc Thị P, anh Hoàng Đức H, anh Hoàng Văn T₁, anh Hoàng Mạnh Đ, chị Hoàng Thị N đã được triệu tập họp lệ, được Tòa án thông báo tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ việc mà không có lý do. Tại phiên họp ngày 10/7/2020 do phát sinh tình tiết mới cần phải thu thập bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nên phiên họp đã được tạm ngừng và ấn định ngày mở phiên họp tiếp là ngày 10/8/2020. Quyết định tạm ngừng phiên họp đã được giao cho các đương sự và các đương sự cũng đã được thông báo về ngày mở lại phiên họp, tuy nhiên những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành giải quyết vụ việc trên vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với diện tích đất thuộc thửa đất số 71 có nguồn gốc do bà Hà Thị V tặng cho anh Hoàng Trung T và chị Hứa Thị H theo hợp đồng tặng cho số 04/HĐTA ngày 17/10/2011 và đã tách sổ đứng tên hộ ông Hoàng Trung T bà Hứa Thị H, diện tích 117,3m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ946654 ngày 07/12/2011 (diện tích đo thực tế tại thực địa là 101,3m² hực

16m² so với diện tích ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Quá trình giải quyết vụ việc và tại phiên họp ngày 10/7/2020 bà Hà Thị V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đều xác nhận việc tặng cho là đúng và không có thắc mắc gì; việc tặng cho cũng đã được đăng ký, kê khai và tách sổ đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy có đủ căn cứ xác định anh Hoàng Trung T có $\frac{1}{2}$ quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích đất thuộc thửa đất số 71, tờ bản đồ số 20 tọa tại phố Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

[4] Đối với diện tích đất thuộc thửa đất số 46, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ bà Hà Thị V ông Hoàng Minh H mặc dù anh T và chị H xây dựng nhà trên một phần diện tích của thửa đất này (diện tích xây lần là 43,3m²). Tuy nhiên, không có đủ căn cứ để chứng minh bà Hà Thị V và các thành viên trong hộ gia đình đã tặng cho diện tích 43,3m² này cho anh T và chị H, bởi lẽ chỉ duy nhất có lời khai của anh T cho rằng khi xây nhà đã được bà Hà Thị V, anh Hoàng Hữu C, chị Hoàng Thị G và cháu Hoàng Đức H đồng ý, nhưng những người này cho rằng do thửa đất số 71 diện tích hẹp nên chỉ đồng ý cho anh T và chị H xây nhà sang một phần thửa đất 46 để ở cho rộng chứ không tặng cho đất, nếu đã tặng cho thì sẽ làm thủ tục theo quy định như khi tặng cho thửa đất số 71. Hơn nữa việc tặng cho cũng không được đăng ký kê khai với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo đúng trình tự thủ tục quy định, nên không có căn cứ để xác định là diện tích đất này đã tặng cho anh T và chị H.

[5] Thửa đất số 46 có nguồn gốc do bà Hà Thị V và ông Hoàng Minh H tạo lập nên. Vào năm 2000 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ bà Hà Thị V, khi đó là thửa số 01 và có diện tích 300m². Đến năm 2008 bà Hà Thị V, ông Hoàng Minh H kê khai cấp lại sổ sau đo đạc địa chính đứng tên hộ bà Hà Thị V, ông Hoàng Minh H, theo bản đồ địa chính mới là thửa đất số 46 như hiện nay, có diện tích 472m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri AP 557108, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H00551, cấp ngày 19/12/2008. Do vậy, xác định diện tích đất thuộc thửa đất số 46 thuộc quyền sở hữu, sử dụng chung của các thành viên trong hộ gia đình bà Hà Thị V theo quy định tại Điều 212 Bộ luật dân sự. Theo sổ hộ khẩu gia đình thì hộ bà Hà Thị V thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2008 gồm có: Bà Hà Thị V (chủ hộ), ông Hoàng Minh H, con trai là Hoàng Hữu C, con dâu Hoàng Thị G, cháu nội Hoàng Đức H. Tuy nhiên, khi được cấp đất cháu Hoàng Đức H còn nhỏ, đang đi học không có công sức đóng góp gì nên không xác định có quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản. Như vậy xác định thửa đất số 46 chỉ thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Hà Thị V, ông Hoàng Minh H, anh Hoàng Hữu C và chị Hoàng Thị G. Những người này mỗi người có quyền quản lý, sử dụng $\frac{1}{4}$ diện tích đất 43,3m² thuộc một phần thửa đất số 46 mà hiện nay anh T và chị H đang xây dựng nhà ở trên đất ($43,3\text{m}^2 \div 4 = 10,825\text{m}^2/1$ suất). Phần diện tích đất còn lại của thửa đất số 46 phía Công ty cổ phần vật tư nông n Lạng Sơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Năm 2009 ông Hoàng Minh H chết để lại tài sản thừa kế là $\frac{1}{4}$ của phần diện tích đất 43,3m² thuộc một phần thửa đất số 46 = 10,825m², nhưng không để

lại di chúc. Qua kết quả xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ xác định được những người được quyền hưởng thừa kế hàng thứ nhất của ông Hoàng Minh H có 07 người gồm: Bố đẻ Hoàng Viết B, mẹ đẻ Hà Thị P, vợ là Hà Thị V, con gái Hoàng Thị L, con trai Hoàng Trung T, con trai Hoàng Văn B, con trai Hoàng Hữu C. Kết quả xác minh không có ai không có quyền hưởng di sản, không có ai bị truất quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản; không có bố, mẹ nuôi hay con nuôi; khi chết ông H không để lại nghĩa vụ gì về tài sản. Do đó, những người này mỗi người sẽ được quyền hưởng $\frac{1}{7}$ đối với phần tài sản ông Hoàng Minh H khi chết để lại là $10,825\text{m}^2 \div 7 = 1,546\text{m}^2/1$ suất. Trong đó có anh Hoàng Trung T được hưởng $\frac{1}{7}$ đối với phần di sản ông Hoàng Minh H để lại tương đương $1,546\text{m}^2$.

[7] Trong số những người được hưởng phần di sản ông Hoàng Minh H để lại thì đến năm 2016 bà Hà Thị P chết nên để lại tài sản là phần đất được thừa kế từ ông Hoàng Minh H diện tích $1,546\text{m}^2$ thuộc một phần thửa đất số 46 nhưng không có di chúc. Những người được hưởng phần tài sản của bà Hà Thị P khi chết để lại gồm chồng là Hoàng Viết B, các con đẻ là Hoàng Minh H, Hoàng Văn M, Hoàng Văn H₁, Hoàng Thị N₁, Hoàng Thị Đ (tổng cộng 06 suất). Trong đó ông Hoàng Minh H được $\frac{1}{6}$ suất là $1,546 \div 6 = 0,258\text{m}^2$, nhưng do ông H chết trước bà Hà Thị P, vì vậy các con của ông H gồm chị L, anh T, anh B, anh C sẽ được hưởng phần di sản mà nếu ông H còn sống sẽ được hưởng theo quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự về thừa kế thế vị. Như vậy anh Hoàng Trung T là con đẻ được quyền hưởng phần thừa kế thế vị của ông Hoàng Minh H để lại là $0,258 \div 4 = 0,0645\text{m}^2$.

[8] Năm 2020 ông Hoàng Viết B chết để lại tài sản là diện tích đất $1,546\text{m}^2$ thừa kế từ ông Hoàng Minh H chết năm 2009 và $0,258\text{m}^2$ thừa kế từ vợ là bà Hà Thị P chết năm 2016 ($1,546 + 0,258 = 1,804\text{m}^2$) diện tích đất này thuộc một phần thửa đất số 46, nhưng khi chết ông B không để lại di chúc. Những người được hưởng di sản thừa kế của ông B gồm 05 người con là Hoàng Minh H, Hoàng Thị N, Hoàng Văn M, Hoàng Văn H₂, Hoàng Thị Đ. Phần ông Hoàng Minh H được hưởng là $\frac{1}{5}$ tài sản thừa kế là $1,804 \div 5 = 0,3608\text{m}^2$. Nhưng do ông Hoàng Minh H chết trước ông Hoàng Viết B nên các con ông H sẽ được hưởng thừa kế thế vị. Ông H có 04 người con, trong đó anh Hoàng Trung T được hưởng $\frac{1}{4}$ suất của ông H là $0,3608 \div 4 = 0,0902\text{m}^2$.

[9] Đối với căn nhà 02 tầng và 01 tum tổng diện tích $246,5\text{m}^2$ tọa trên thửa đất số 71 và một phần thửa đất số 46 tại địa chỉ phố Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn do anh Hoàng Trung T và chị Hứa Thị H xây dựng năm 2014 thuộc quyền sở hữu chung của vợ chồng vì anh T và chị H kết hôn năm 2000, căn nhà trên được xây dựng trong thời kỳ hôn nhân năm 2014. Cả anh T và chị H không ai chứng minh được đây là tài sản do mình tự tạo lập từ nguồn tài sản riêng, cũng không ai chứng minh được phần công sức đóng góp nhiều hơn. Do vậy xác định đây là tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 33; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 213 Bộ luật dân sự năm 2015. Các con của anh T và chị H đều còn nhỏ, đang đi học, không có công sức đóng góp gì vào tài

sản chung và tài sản này anh T, chị H cũng chưa chia, chưa tặng, cho các con vì vậy xác định anh Hoàng Trung T và chị Hứa Thị H mỗi người có quyền sở hữu, sử dụng $\frac{1}{2}$ căn nhà này.

[10] Về chi phí tố tụng: Công ty cổ phần vật tư nông n Lạng Sơn tự nguyện chịu toàn bộ tiền xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/6/2020 với tổng số tiền là 4.650.000 đồng.

[11] Lệ phí: Công ty cổ phần vật tư nông n Lạng Sơn phải chịu lệ phí 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Quyền kháng cáo: Người yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 371, 372 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 27; Điều 35; khoản 1 Điều 149; Điều 367; 369; 370; 371; 372 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 74 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014;

Căn cứ các Điều 213; 611; 623; 650; 651; 652 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần vật tư nông n Lạng Sơn về việc “Xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng của anh Hoàng Trung T trong khối tài sản chung”. Cụ thể:

- Xác định anh Hoàng Trung T có $\frac{1}{2}$ quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích đất thuộc thửa đất số 71, tờ bản đồ số 20, tại địa chỉ phố Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 946654, sổ vào sổ CH 01686 cấp ngày 07/12/2011, đứng tên hộ ông Hoàng Trung T, bà Hứa Thị H với diện tích được cấp 117,3m², diện tích đo thực tế tại thực địa là 101,3m².

- Xác định anh Hoàng Trung T được quyền hưởng di sản thừa kế với tổng diện tích đất là 1,7007m². Diện tích đất này thuộc một phần thửa đất số 46, tờ bản đồ số 20 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 557108, sổ vào sổ CH 00551 cấp ngày 19/12/2008 cho hộ bà Hà Thị V, ông Hoàng Minh H, tại địa chỉ phố Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Toàn bộ diện tích đất thuộc thửa đất số 71 và một phần thửa đất số 46 nêu trên có các cạnh tiếp giáp như sau:

- + Cạnh A, B giáp đường quốc lộ dài 7,38m.
- + Cạnh B, C, D, E giáp đất nhà ông Lăng Văn C dài 15,m.
- + Cạnh E, F giáp đất bà Hà Thị V dài 6,42m.
- + Cạnh F, G giáp đất bà Hà Thị V dài 6,3m.
- + Cạnh G, H giáp đất bà Hà Thị V dài 6,5m.
- + Cạnh H, L, A giáp đất anh Hoàng Hữu C dài 16,79m.

(có trích đo thửa đất kèm theo)

- Anh Hoàng Trung T có $\frac{1}{2}$ quyền sở hữu, sử dụng đối với căn nhà 02 tầng, 01 tum, có tổng diện tích 246,5m², nhà ở loại I được xây dựng trên một phần thửa đất số 71 diện tích 101,3m² đo thực tế và trên một phần thửa đất số 46 diện tích 43,3m². Căn nhà trên tọa tại địa chỉ phố Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về chi phí tố tụng: Xác nhận Công ty cổ phần vật tư nông n Lạng Sơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 4.650.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Lệ phí: Công ty cổ phần vật tư nông n Lạng Sơn phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận Công ty cổ phần vật tư nông n Lạng Sơn đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/03030 ngày 28/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

4. Quyền kháng cáo: Người yêu cầu có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo Quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Quan;
- Cục T.H.A dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện V;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nông Bá Hiệp